

Phú Thọ, ngày 17 tháng 9 năm 2024

Số: 488/KH-THPT

**KẾ HOẠCH**  
**THỎA THUẬN THU – CHI DẠY HỌC 2 BUỔI/NGÀY KHỐI LỚP 1, 2, 3, 4, 5**  
**(CÓ THUẾ TNDN) NĂM HỌC 2024-2025**

Căn cứ Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Kế hoạch số 246/KH-UBND ngày 16/8/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một Kế hoạch Khung thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 19/5/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương Quy định các khoản thu và mức thu các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Công văn số 2235/SGDĐT-KHTC ngày 07/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương V/v hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2023-2024 của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Công văn số 2228/PGDĐT-GDTH ngày 17/10/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Thủ Dầu Một V/v hướng dẫn tổ chức dạy học lớp 1, 2, 3 năm học 2022-2023.

Căn cứ Công văn số 1478/PGDĐT-TCKH ngày 14/9/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo TPTDM V/v triển khai Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 19/5/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương và Công văn số 2235/SGDĐT-KHTC ngày 07/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Công văn số 3290/UBND-VP ngày 15/9/2023 của UBND TPTDM V/v tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Công văn số 2235/SGDĐT-KHTC ngày 07/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Công văn số 1527/HD-PGDĐT ngày 25/9/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo TPTDM V/v hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2023-2024 của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một;

Căn cứ biên bản họp thống nhất trong Ban giám hiệu ngày 11/9/2024, Ban Liên tịch ngày 12/9/2024, Hội đồng sư phạm ngày 13/9/2024, Hội nghị Ban Đại diện CMHS trường lớp năm học 2023-2024 ngày 14/9/2024, Hội nghị Cha mẹ học sinh lớp và Hội nghị Cha mẹ học sinh toàn trường ngày 15/9/2024 về việc thống nhất các khoản thu – chi đầu năm học 2024 – 2025;

Theo quy định của Nhà nước thì tất cả khoản thu thỏa thuận (như phục vụ bán trú, dạy học buổi 2, vệ sinh trường lớp,...) thì Nội dung chi đều phải trích nộp 2% thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN);

Căn cứ vào số tiết dạy ngoài Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với lớp 1, 2, 3, 4, 5; Căn cứ biên bản họp tổ v/v xin dạy 8 tiết/ ngày trong năm học 2024-2025 của tổ chuyên môn lớp 3, 4, 5 và tình hình thực tế của trường, Trường Tiểu học Phú Thọ xây dựng kế hoạch thỏa thuận thu - chi dạy học 2 buổi/ ngày khối lớp 1, 2, 3, 4, 5 năm học 2024-2025 (từ 05/9/2024) như sau:

### **I. Mục đích**

- Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới năm 2018.
- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

### **II. Tình hình đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất**

#### **1. Đội ngũ giáo viên**

Hiện nay trường có 69 cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đó:

- Giáo viên dạy lớp: 39 giáo viên, chia thành 5 tổ theo 5 khối lớp; cụ thể như

sau:

- + Khối 1: 8 lớp                      + Khối 2: 8 lớp                      + Khối 3: 8 lớp
- + Khối 4: 7 lớp                      + Khối 5: 8 lớp

- Giáo viên bộ môn: 14 giáo viên: Chia làm 2 tổ, trong đó Tổ Tiếng Anh – Tin học có: 5 GV Tiếng Anh, 2 giáo viên Tin học; Tổ Âm nhạc – Mĩ thuật – Giáo dục Thể chất có: 2 giáo viên Âm nhạc, 2 giáo viên Mĩ thuật, 3 giáo viên Giáo dục Thể chất.

#### **2. Cơ sở vật chất**

- Trường có 39 phòng học, có 2 phòng dạy Tin học, có 1 phòng dạy Tiếng Anh (Sử dụng 1 phòng máy làm phòng học Tiếng Anh), 1 phòng dạy Âm nhạc. Đã trưng dụng 1 phòng dạy Tiếng Anh, 1 phòng dạy Mĩ thuật và 1 phòng truyền thống để làm 3 lớp học; tách từ phòng Thư viện để có thêm 1 phòng học và 1 phòng truyền thống.

- Phòng học được xây dựng, sửa chữa, cải tạo mới (cơ sở chính và cơ sở Dốc Chùa).

#### **3. Hình thức tổ chức**

- Trường có 39 lớp với 1.592 học sinh học 2 buổi/ngày:
  - + 2 buổi/ ngày gồm các khối lớp: 1, 2, 3, 4, 5 (35 phòng học, cơ sở chính).
  - + 2 buổi/ ngày gồm khối lớp: 2, 3, 4, 5 (4 phòng học, cơ sở Dốc Chùa).
- Khối 1, 2, 3, 4, 5 học buổi 2 từ ngày 04/9/2024.
- Tổ chức học theo thời khóa biểu linh hoạt vào đầu năm học đối với lớp 1, 2, 3, 4, 5.

#### **4. Phân công nhiệm vụ từng thành viên trong hoạt động 2 buổi/ ngày**

**4.1. Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm** – Hiệu trưởng: Phụ trách chung chỉ đạo toàn diện, chỉ đạo các cá nhân, các bộ phận liên quan phụ trách hỗ trợ trong quá trình tổ chức công tác dạy học 2 buổi/ ngày. Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy học 2 buổi/ ngày.

**4.2. Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt** - Phó Hiệu trưởng: Phối hợp với các tổ khối trưởng xây dựng kế hoạch dạy học 2 buổi/ ngày cho khối lớp 1, 2, 3, 4 và 5;

triển khai thực hiện kế hoạch dạy học 2 buổi/ ngày và kiểm tra, giám sát việc dạy học 2 buổi/ ngày của GV khối lớp 1, 2, 3, 4 và 5.

**4.3. Bà Nguyễn Thị Tuyết** - Phó Hiệu trưởng: Cùng cô Nguyễn Thị Thu Nguyệt, phối hợp với các tổ khối trưởng xây dựng kế hoạch dạy học 2 buổi/ ngày cho khối lớp 1, 2, 3, 4 và 5; triển khai thực hiện kế hoạch dạy học 2 buổi/ ngày và kiểm tra, giám sát việc dạy học 2 buổi/ ngày của GV khối 1, 2, 3, 4 và 5.

**4.4. Giáo viên chủ nhiệm các lớp và GV bộ môn:** Xây dựng kế hoạch bài dạy 2 buổi/ ngày. Thực hiện dạy học 2 buổi/ ngày theo quy định.

### **5. Phương pháp**

❖ Dựa vào nội dung mỗi tiết học mà giáo viên có thể lựa chọn phương pháp phù hợp với đối tượng học sinh nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo, phẩm chất, năng lực của học sinh.

❖ Giáo viên tổ chức các hoạt động giảng dạy và giáo dục một cách đa dạng, linh hoạt, hấp dẫn phù hợp với đặc điểm tâm lí của học sinh nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh.

❖ Kiểm tra hàng tuần, hàng tháng, cuối học kỳ để đánh giá sự tiến bộ của học sinh cũng như đánh giá công tác bồi dưỡng, phụ đạo của giáo viên.

### **6. Tài liệu**

#### **Lớp 1, 2**

- Sách giáo khoa 7 môn theo chương trình GDPT 2018 và Tiếng Anh (Tự chọn).

- Vở Tập viết lớp 1, 2 theo chương trình GDPT 2018.

- Các dạng Toán – Tiếng Việt: Dạy Toán linh hoạt, Tiếng Việt linh hoạt, kỹ năng sống, Văn hóa giao thông, các tiết dạy Steam (Tiết Thực hành),... cho học sinh.

#### **Lớp 3**

- Sách giáo khoa 8 môn theo chương trình GDPT 2018 và Tiếng Anh.

- Vở Tập viết lớp 3 theo chương trình GDPT 2018.

- Các dạng Tiếng Anh: ôn tập, phụ đạo học sinh.

- Các dạng Toán – Tiếng Việt: Dạy Toán linh hoạt, Tiếng Việt linh hoạt, kỹ năng sống, Văn hóa giao thông, các tiết dạy Steam (Tiết Thực hành),... cho học sinh.

#### **Lớp 4; 5**

- Sách giáo khoa 9 môn theo chương trình GDPT 2018 và Tiếng Anh.

- Các dạng Tiếng Anh: ôn tập, phụ đạo học sinh.

- Các dạng Toán – Tiếng Việt: Dạy Toán linh hoạt, Tiếng Việt linh hoạt, kỹ năng sống, tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, các tiết dạy Steam (Tiết Thực hành),... cho học sinh.

### **III. Thời gian thực hiện**

Từ ngày 04/9/2024 đến hết năm học. Tuần 1 bắt đầu từ 09/9/2024.

Thời gian vào học buổi 2 (chiều): 14h00 đến 16h 20.

### **IV. Lịch dạy cụ thể:**

#### **Lớp 1:**

(Theo thời khóa biểu linh hoạt ngoài Chương trình giáo dục phổ thông 2018; PHT xếp lịch dạy chi tiết, cụ thể các tiết dạy ở buổi 2).

- Tháng 9: Củng cố kiến thức cho học sinh, giáo dục các kỹ năng cho học sinh, phân loại đối tượng học sinh.

- Từ tháng 10 trở đi: Thực hiện dạy theo thời khóa biểu linh hoạt (Dạy học theo đối tượng học sinh, tổ chức các câu lạc bộ, các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm, các tiết dạy học Stem theo kế hoạch của khối (Phần thực hành).

- Thời khóa biểu linh hoạt các tiết dạy ngoài Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Đính kèm Thời khóa biểu).

- Giảng dạy Tiếng Anh: 2 tiết/tuần, bắt đầu từ tuần 10 của năm học.

- Số tiết/tuần:

- Số tiết/tuần: Từ tuần 1 đến 9: Giảng dạy 35 tiết/tuần. Cụ thể:

\* Số tiết trong CTPT 2018 là: 25 tiết/tuần. Trong đó: Bộ môn: 4 tiết - GVCN: 21 tiết/tuần.

\* Số tiết ngoài CTPT 2018 là: 10 tiết, GVCN linh hoạt giảng dạy và ôn tập lại kiến thức và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh (5 tiết TV, 4 tiết Toán, 1 KNS (nếu trong tuần có tiết dạy Stem, phần kiến thức mới GV dạy ở tiết chính của CT, phần Luyện tập vận dụng GV dạy ở các linh hoạt TV hoặc Toán).

- Số tiết/tuần: Từ tuần 10 đến 35: Giảng dạy 35 tiết/tuần. Cụ thể:

\* Số tiết trong CTPT 2018 là: 27 tiết/tuần. Trong đó: Bộ môn: 6 tiết - GVCN: 21 tiết/tuần.

\* Số tiết ngoài CTPT 2018 là: 8 tiết còn lại GVCN linh hoạt giảng dạy và ôn tập lại kiến thức và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh (4 tiết TV, 3 tiết Toán, 1 KNS (nếu trong tuần có tiết dạy Stem, phần kiến thức mới GV dạy ở tiết chính của CT, phần Luyện tập vận dụng GV dạy ở các linh hoạt TV hoặc Toán) Dạy Văn hóa Giao thông ở HKII và giảm 1 tiết Tiếng Việt Linh hoạt (Từ tuần 19 đến 26).

- Số buổi dạy/ ngày: 2 buổi/ngày.

- Số tiết: 7 tiết/ngày (Sáng 4 tiết, chiều 3 tiết), cụ thể như sau:

Các môn học	Tiếng Việt	Toán	Đạo Đức	TNXH	GDTC	Nghệ Thuật		Hoạt động trải nghiệm			Tiếng Anh	Tổng cộng	Các tiết ngoài CTGDPT 2018				Tổng cộng Các tiết ngoài CTGDPT	Tổng số tiết
						ÂN	M. thuật	Chào cờ	Theo CĐ	SHL			Tăng cường Tiếng Việt	Tăng cường Toán	GDKNS	Văn hóa Giao thông		
Số tiết/tuần từ tuần 1 đến 9	12	3	1	2	2	1	1	1	1	1	0		5	4	1		10	10
Số tiết/tuần từ tuần 10 đến 18	12	3	1	2	2	1	1	1	1	1	2		4	3	1		8	8
<b>HK I (18 tuần)</b>	216	54	18	36	36	18	18	18	18	18	18	468	81	63	18		162	630
Tuần 19 đến 26	12	3	1	2	2	1	1	1	1	1	2		3	3	1	1	8	8
Tuần 27 đến 35	12	3	1	2	2	1	1	1	1	1	2		4	3	1	0	8	8
<b>HK II (17 tuần)</b>	204	51	17	34	34	17	17	17	17	17	34	459	60	51	17	8	136	595
<b>Cả năm 35 tuần</b>	<b>420</b>	<b>105</b>	<b>35</b>	<b>70</b>	<b>70</b>	<b>35</b>	<b>35</b>	<b>35</b>	<b>35</b>	<b>35</b>	<b>52</b>	<b>927</b>	<b>141</b>	<b>114</b>	<b>35</b>	<b>8</b>	<b>298</b>	<b>1225</b>

**Lớp 2:**

(Theo thời khóa biểu linh hoạt ngoài Chương trình giáo dục phổ thông 2018; PHT xếp lịch dạy chi tiết, cụ thể các tiết dạy ở buổi 2).

- Tháng 9: Cùng cố kiến thức cho học sinh, giáo dục các kỹ năng cho học sinh, phân loại đối tượng học sinh.

- Từ tháng 10 trở đi: Thực hiện dạy theo thời khóa biểu linh hoạt (Dạy học theo đối tượng học sinh, tổ chức các câu lạc bộ, các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm, các tiết dạy học Stem theo kế hoạch của khối (Phần thực hành).

- Thời khóa biểu linh hoạt các tiết dạy ngoài Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Đính kèm Thời khóa biểu).

\* **Khối lớp 2: Số tiết học từng môn theo Chương trình GDPT 2018:**

- Giảng dạy Tiếng Anh: 2 tiết/tuần, bắt đầu từ tuần 1 của năm học.

- Số tiết/tuần: Từ tuần 1 đến 35: Giảng dạy 35 tiết/tuần. Cụ thể:

\* Số tiết trong CTPT 2018 là: 27 tiết/tuần. Trong đó: Bộ môn: 6 tiết - GVCN: 21 tiết/tuần.

\* Số tiết ngoài CTPT 2018 là: 8 tiết GVCN linh hoạt giảng dạy và ôn tập lại kiến thức cho học sinh:

+ HKI: 3 tiết TV, 3 tiết Toán, 1 tiết KNS, 1 tiết VHGT (nếu trong tuần có tiết dạy Stem, phần kiến thức mới GV dạy ở tiết chính của CT, phần Luyện tập vận dụng GV dạy ở các tiết linh hoạt TV hoặc Toán).

+ HKII: 4 tiết TV, 3 tiết Toán, 1 tiết KNS, (nếu trong tuần có tiết dạy Stem, phần kiến thức mới GV dạy ở tiết chính của CT, phần Luyện tập vận dụng GV dạy ở các tiết linh hoạt TV hoặc Toán).

- Số buổi dạy/ngày: 2 buổi/ngày.

- Số tiết: 7 tiết/ngày (Sáng 4 tiết, chiều 3 tiết), cụ thể như sau:

Các môn học	Tiếng việt	Toán	Đạo Đức	TNXH	GDTC	Nghệ Thuật		Hoạt động trải nghiệm			Tiếng Anh	Tổng cộng	Các tiết ngoài CTGDPT 2018					Tổng số tiết
						ÂN	M. thuật	Chào cờ	Theo CĐ	SHL			Tăng cường Tiếng Việt	Tăng cường Toán	GDKNS	Văn hóa Giao thông	Tổng cộng Các tiết ngoài CTGDPT	
Số tiết/tuần từ tuần 1 đến 18	10	5	1	2	2	1	1	1	1	1	2		3	3	1	1	8	8
HKI (18 tuần)	180	90	18	36	36	18	18	18	18	18	36	486	54	54	18	18	144	630
Tuần 19 đến 35	10	5	1	2	2	1	1	1	1	1	2		4	3	1		8	8
HK II (17 tuần)	170	85	17	34	34	17	17	17	17	17	34	459	68	51	17		136	595
Cả năm 35 tuần	350	175	35	70	70	35	35	35	35	35	70	945	122	105	35	18	280	1225

**Lớp 3:**

(Theo thời khóa biểu linh hoạt ngoài Chương trình giáo dục phổ thông 2018; PHT xếp lịch dạy chi tiết, cụ thể các tiết dạy ở buổi 2).

- Tháng 9: Cùng cố kiến thức cho học sinh, giáo dục các kỹ năng cho học sinh, phân loại đối tượng học sinh.

- Từ tháng 10 trở đi: Thực hiện dạy theo thời khóa biểu linh hoạt (Dạy học theo đối tượng học sinh, tổ chức các câu lạc bộ, các hoạt động giáo dục kỹ năng sống,

hoạt động trải nghiệm, các tiết dạy học Stem theo kế hoạch của khối (Phần thực hành).

- Thời khóa biểu linh hoạt các tiết dạy ngoài Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Đính kèm Thời khóa biểu).

**\* Khối lớp 3: Số tiết học từng môn theo Chương trình GDPT 2018:**

- Giảng dạy Tiếng Anh: 4 tiết/tuần, bắt đầu từ tuần 1 của năm học.

- Giảng dạy Tin học: 1 tiết/tuần

- Số tiết/tuần: Từ tuần 1 đến 35: Giảng dạy 40 tiết/tuần. Cụ thể:

\* Số tiết trong CTPT 2018 là: 28 tiết/tuần. Trong đó: Bộ môn: 9 tiết - GVCN: 19 tiết/tuần.

\* Số tiết ngoài CTPT 2018 là: 12 tiết GVCN linh hoạt giảng dạy và ôn tập lại kiến thức cho học sinh.

+ HKI: 4 tiết TV, 6 tiết Toán, 1 tiết KNS, 1 tiết VHGT (nếu trong tuần có tiết dạy Stem, phần kiến thức mới GV dạy ở tiết chính của CT, phần Luyện tập vận dụng GV dạy ở các tiết linh hoạt TV hoặc Toán).

+ HKII: 5 tiết TV, 6 tiết Toán, 1 tiết KNS, (nếu trong tuần có tiết dạy Stem, phần kiến thức mới GV dạy ở tiết chính của CT, phần Luyện tập vận dụng GV dạy ở các tiết linh hoạt TV hoặc Toán).

- Số buổi dạy/ ngày: 2 buổi/ngày.

- Số tiết: 8 tiết/ngày (Sáng 5 tiết, chiều 3 tiết), cụ thể như sau:

Các môn học	Tiếng việt	Toán	Đạo Đức	TNXH	GDTC	TH&CN		Nghệ Thuật		Hoạt động trải nghiệm			Tiếng Anh	Tổng cộng	Các tiết ngoài CTGDPT 2018					Tổng số tiết
						Tin học	Công nghệ	ÂN	M. thuật	Chào cờ	Theo CD	SHL			Tăng cường Tiếng Việt	Tăng cường Toán	GDKNS	Văn hóa Giao thông	Tổng cộng Các tiết ngoài CTGDPT 2018	
Số tiết/tuần từ tuần 1 đến 18	7	5	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	4		4	6	1	1	12	12
HKI (18 tuần)	126	90	18	36	36	18	18	18	18	18	18	18	72	504	72	108	18	18	216	720
Tuần 19 đến 35	7	5	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	4		5	6	1		12	12
HKII (17 tuần)	119	85	17	34	34	17	17	17	17	17	17	17	68	476	85	102	17	0	204	680
Cả năm 35 tuần	245	175	35	70	70	35	35	35	35	35	35	35	140	980	157	210	35	18	420	1400

#### Lớp 4; 5

- Giảng dạy Tiếng Anh: 4 tiết/tuần, bắt đầu từ tuần 1 của năm học.

- Giảng dạy Tin học & Công nghệ: 2 tiết/tuần (1 tiết Tin học, 1 tiết Công nghệ)

- Số tiết/tuần: Từ tuần 1 đến 35: Giảng dạy 40 tiết/tuần. Cụ thể:

\* Số tiết trong CTPT 2018 là: 30 tiết/tuần. Trong đó: Bộ môn: 10 tiết - GVCN: 20 tiết/tuần.

\* Số tiết ngoài CTPT 2018 là: 10 tiết GVCN linh hoạt giảng dạy và ôn tập lại kiến thức cho học sinh:

+ HKI: 5 tiết TV, 4 tiết Toán, 1 tiết VHGT (Tuần 1 đến 8), từ tuần 9 đến 18 dạy KNS (nếu trong tuần có tiết dạy Stem, phần kiến thức mới GV dạy ở tiết chính của CT, phần Luyện tập vận dụng GV dạy ở các tiết linh hoạt TV hoặc Toán).

+ HKII: 5 tiết TV, 4 tiết Toán, 1 tiết KNS, (nếu trong tuần có tiết dạy Stem, phần kiến thức mới GV dạy ở tiết chính của CT, phần Luyện tập vận dụng GV dạy ở các tiết linh hoạt TV hoặc Toán).

- Số buổi dạy/ ngày: 2 buổi/ngày.

- Số tiết: 8 tiết/ngày (Sáng 5 tiết, chiều 3 tiết), cụ thể như sau:

Các môn học	Tiếng việt	Toán	Đạo Đức	Khoa học	Lịch sử & Địa lí	GDTC	TH&CN		Nghệ Thuật		Hoạt động trải nghiệm			Tiếng Anh	Tổng cộng	Các tiết ngoài CTGDPT 2018			Tổng cộng Các tiết ngoài CTGDPT 2018	Tổng số tiết
							Tin học	Công nghệ	ÂN	M. thuật	Chào cờ	Theo CB	SHL			Tăng cường Tiếng Việt	Tăng cường Toá	VHGT/KNS		
Số tiết/tuần	7	5	1	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	4	30	5	4	1	10	40
HKI (18 tuần)	126	90	18	36	36	36	18	18	18	18	18	18	18	72	540	90	72	18	180	720
HKII (17 tuần)	119	85	17	34	34	34	17	17	17	17	17	17	17	68	510	85	68	17	170	680
Cả năm 35 tuần	245	175	35	70	70	70	35	35	35	35	35	35	35	140	1050	175	140	35	350	1400

**V. Dự trừ kinh phí: Tiền học buổi chiều lớp 1, 2, 3, 4, 5:** Thu thỏa thuận, thực hiện đúng nguyên tắc thu đủ bù chi.

Thực hiện thu theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương Nghị quyết quy định các khoản thu và mức thu các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Thu 4.000đ/1 học sinh/1 tiết. Căn cứ vào số tiết thực học buổi chiều của học sinh của từng khối lớp làm cơ sở để thu tiền học buổi chiều.

- Số tiết thực học buổi chiều của học sinh, sau khi trừ các tiết học ở giờ chính khóa của học sinh lớp 1, 2, 3, 4, 5 trong 1 tuần.

#### Chương trình GDPT năm 2018 đối với lớp 1, 2, 3, 4, 5

STT	Khối	Tuần học	Số tiết theo CT GDPT 2018	Số tiết thực dạy	Số tiết ngoài Chương trình GDPT 2018
1	MỘT	Tuần 1-9	25 tiết (trong đó 4 tiết bộ môn)	7 tiết/ng x 5 ngày	= 35 - 25 = 10 tiết
		Tuần 10- 35	27 tiết (trong đó 6 tiết bộ môn)	7 tiết/ng x 5 ngày	= 35 - 27 = 08 tiết
2	HAI	Tuần 1-35	27 tiết (trong đó 6 tiết bộ môn)	7 tiết/ng x 5 ngày	= 35 - 27 = 08 tiết
3	BA	Tuần 1-35	28 tiết (trong đó 9 tiết BM)	8 tiết/ng x 5 ngày	= 40 - 28 = 12 tiết
4	BỐN	Tuần 1-35	30 tiết (trong đó 10 tiết bộ môn)	8 tiết/ng x 5 ngày	= 40 - 30 = 10 tiết
5	NĂM	Tuần 1-35	30 tiết (trong đó 10 tiết bộ môn)	8 tiết/ng x 5 ngày	= 40 - 30 = 10 tiết

Khối	Tuần	Số tiết ngoài CT GDPT 2018	Mức thu 1 tuần /HS (đ)	Số tuần	Tổng thu (9 tháng/năm học) (đ)	Bình quân/tháng (đ)	Học KNS thu phí (đ)	Tổng thu 1 tháng
1	Tuần 1 - 9	10	40.000	9	360.000	132.444đ Làm tròn: 132.000đ	0	132.000đ
	Tuần 10 - 35	8	32.000	26	832.000			
2	Tuần 1 - 35	8	32.000	35	1.120.000	124.444đ Làm tròn: 124.000đ	0	124.000đ
3	Tuần 1 - 35	12	48.000	35	1.680.000	186.666đ Làm tròn: 187.000đ	0	187.000đ
4	Tuần 1 - 35	10	40.000	35	1.400.000	155.555đ Làm tròn: 156.000đ	0	156.000đ
5	Tuần 1 - 35	10	40.000	35	1.400.000	155.555đ Làm tròn: 156.000đ	0	156.000đ

**\* Tổng hợp:**

- Số tiền thu học buổi chiều bình quân 1 tháng:

Học sinh không đăng kí học KNS
+ Lớp 1: 132.000đ/1HS/1 tháng.
+ Lớp 2: 124.000đ/1HS/1 tháng.
+ Lớp 3: 187.000đ/1HS/1 tháng.
+ Lớp 4: 156.000đ/1HS/1 tháng.
+ Lớp 5: 156.000đ/1HS/1 tháng.

- Tổng số học sinh từ khối 1 đến khối 5: 1.592/766 nữ

- + Tổng số lớp : 39 lớp, trong đó:
- + Học sinh Khối 1: 8 lớp: 320 học sinh
- + Học sinh khối 2: 8 lớp: 337 học sinh
- + Học sinh khối 3: 8 lớp: 319 học sinh



- + Học sinh khối 4: 7 lớp: 291 học sinh
- + Học sinh khối 5: 8 lớp: 325 học sinh

- **Miễn khoản thu** theo quy định đối với học sinh: thuộc đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; **thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; thuộc hộ nghèo** theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; **bị khuyết tật**; là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ: **16 học sinh** (Nguyễn Tấn Huy – lớp 1/4 - chậm phát triển, hạn chế tương tác giao tiếp xã hội, **đang làm hồ sơ**; Hoàng Tâm Duyên – lớp 1/6 – hội chứng Down, khuyết tật trí tuệ nặng, có trợ cấp XH; Trần Bảo Lâm – lớp 1/7 – Chậm phát triển trí tuệ và ngôn ngữ, hạn chế giao tiếp xã hội, **chưa có hồ sơ**; Phan Khánh Bằng – lớp 1/7 – Chậm phát triển trí tuệ và ngôn ngữ, hạn chế giao tiếp xã hội, **chưa có hồ sơ**; Phạm Thúy Kiều – lớp 2/1 – bị khuyết tật thần kinh tâm thần nhẹ; Dương Bảo Ngọc – lớp 2/4 - hộ nghèo; Hồ Phước Long – lớp 2/7 – tăng động, **đang làm hồ sơ**; Nguyễn Minh Đức – lớp 3/3 – khuyết tật trí tuệ nhẹ; Ngô Minh Thư – lớp 3/4 – hộ nghèo; Nguyễn Hoài Bảo Nam – lớp 3/6 – khuyết tật chậm phát triển tâm thần trung bình, rối loạn học động và chú ý);

(Nguyễn Ngọc Bảo Trân – lớp 1/2 - hội chứng Down (thần kinh tâm thần mức độ nặng); Trần Nguyễn Kim An – lớp 1/3 – thần kinh tâm thần nặng; Phạm Ngọc An Khang – lớp 1/5 – hộ nghèo, **chưa có hồ sơ**; Phạm Minh Hùng – lớp 2/7 – trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ - thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; Huỳnh Ngô Chí Bảo – lớp 3/5 – bị khuyết tật thần kinh tâm thần nặng; **Trần Đình Thọ - lớp 3/8 – khuyết tật đi lại khó khăn nói không tròn câu: không ăn bán trú**).

+ **Giảm 50% khoản thu** đối với học sinh: **thuộc hộ cận nghèo** theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên: **5 học sinh** (Ngô Cát Tường – lớp 1/5 – hộ cận nghèo; Hồ Nhã Hân – lớp 2/6 – hộ cận nghèo; Nguyễn Ngọc Thịnh – lớp 5/1 – hộ cận nghèo; Ngô Mạnh Vũ – lớp 5/7 – có sổ hộ cận nghèo);

(Nguyễn Kiều Gia Nghi – lớp 2/8 – có sổ hộ cận nghèo: không ăn bán trú).

+ Dự kiến thất thu: 20.

- Tổng số học sinh 2 buổi/ ngày phải thu: 1.592 – (16 (miễn 100%) + 20) = 1.556.

- Dự trù (ước thu) kinh phí tổng thu từ tháng 9/2024: **234.056.000 đồng**. Cụ thể như sau:

+ Lớp 1: 132.000 đồng/học sinh/tháng x 308 học sinh = 40.656.000 đồng.  
66.000 đồng/học sinh/tháng x 1 học sinh = 66.000 đồng.

**Lớp 1: 40.722.000 đồng**

+ Lớp 2: 124.000 đồng/học sinh/tháng x 327 học sinh = 40.548.000 đồng.  
62.000 đồng/học sinh/tháng x 2 học sinh = 124.000 đồng.

**Lớp 2: 40.672.000 đồng**

+ **Lớp 3: 187.000 đồng/học sinh/tháng x 310 học sinh = 57.970.000 đồng.**

+ **Lớp 4: 156.000 đồng/học sinh/tháng x 287 học sinh = 44.772.000 đồng.**

+ Lớp 5: 156.000 đồng/học sinh/tháng x 319 học sinh = 49.764.000 đồng.

78.000 đồng/học sinh/tháng x 2 học sinh = 156.000 đồng.

**Lớp 5: 49.920.000 đồng**

\* **Ghi chú:** Tùy theo tình hình sĩ số học sinh hàng tháng, nhà trường sẽ cân đối số tiền thu cho phù hợp.

- Thời gian: Từ 09/9/2024 đến 23/5/2025.
- Hình thức thu: thu theo tháng.
- Thời gian thực hiện thu: Từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng.
- Chi: Thu bao nhiêu, chi bấy nhiêu theo tỷ lệ:

\* **Phương án xây dựng định mức chi:**

- Số giáo viên tham gia dạy lớp học 2 buổi/ngày: 39 giáo viên, cụ thể:

+ Lớp 1: 8 giáo viên.

+ Lớp 2: 8 giáo viên.

+ Lớp 3: 8 giáo viên.

+ Lớp 4: 7 giáo viên.

+ Lớp 5: 8 giáo viên.

- **Ước chi:**

+ Chi trả tiền thêm giờ cho giáo viên dạy học buổi 2: Giáo viên dạy lớp buổi chiều (buổi 2): 80% trên tổng số học sinh thu của khối của mỗi tháng:

$234.056.000 \text{ đồng} \times 80\% = 187.244.800 \text{ đồng}$ : 39 GV (chia theo khối).

+ Còn lại 20% trên tổng số thu của mỗi tháng ước chi cho các hoạt động:  
 $234.056.000 \text{ đồng} \times 20\% = 46.811.200 \text{ đồng}$ .

Bao gồm:

+ Chi 10% trên tổng số thu của mỗi tháng: Hỗ trợ công tác quản lý dạy học 2 buổi/ngày (đối tượng hưởng gồm: 3 Ban giám hiệu, Thủ quỹ, kế toán), 3 bảo vệ, 2 phục vụ; tỉ lệ từng người hưởng:  $= 234.056.000 \text{ đồng} \times 10\% = 23.405.600 \text{ đồng}$  (Hiệu trưởng 2%, PHT 3,6% (2 người, mỗi người 1.8%), KT 1,8%, TQ 1,4%, PV: 0,6% (2 người, mỗi người 0,3%), BV 0,6% (3 người, mỗi người 0,2%).

+ Chi 10% trên tổng số thu mỗi tháng: Tăng cường cơ sở vật chất, sửa chữa nhỏ (sửa chữa bàn ghế, đèn, quạt, điện, nước, laphong,... phòng học và nhà vệ sinh, sửa chữa - thay thế các thiết bị máy vi tính phòng Tin học, sửa chữa - thay thế các thiết bị máy chiếu, tivi phòng học và phòng chức năng,...); hỗ trợ chi phí điện, nước; vệ sinh, phục vụ trực tiếp công tác dạy buổi thứ 2 =  $234.056.000 \text{ đồng} \times 10\% = 23.405.600 \text{ đồng}$ . **Trong đó:**

Chi thuê người phục vụ vệ sinh (2 người, sử dụng hợp đồng thời vụ với người lao động để thực hiện dọn vệ sinh trường lớp, nhà vệ sinh của học sinh) = khoảng  $5.300.000 \text{ đồng/người/tháng} \times 2 \text{ người} = \text{khoảng } 10.600.000 \text{ đồng}$ .

Ước nộp thuế TNDN 2%:  $234.056.000 \times 2\% = 4.681.120 \text{ đồng}$ .

Số tiền còn lại (khoảng 8.124.480 đồng) chi hoạt động tu sửa CSVC; hỗ trợ chi phí điện, nước, vệ sinh phí, phục vụ trực tiếp công tác dạy buổi thứ 2).

\* **Ghi chú:** Tùy theo tình hình sĩ số học sinh hàng tháng, nhà trường sẽ cân đối số tiền chi cho phù hợp.

\* **Kết luận:** Mức thu 1 tháng:

**Học sinh không đăng kí học KNS**

- + Lớp 1: 132.000đ/1HS/1 tháng.
- + Lớp 2: 124.000đ/1HS/1 tháng.
- + Lớp 3: 187.000đ/1HS/1 tháng.
- + Lớp 4: 156.000đ/1HS/1 tháng.
- + Lớp 5: 156.000đ/1HS/1 tháng.

- Thời gian: Từ 09/9/2024 đến 23/5/2025.
- Trong tháng 01, 02 và tháng 5/2025:
- + Thu tiền buổi 2: Thu – chi theo ngày thực học.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng**

- Quán triệt và phổ biến đầy đủ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác thu - chi của cấp có thẩm quyền tới cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh nhà trường; niêm yết công khai các văn bản chỉ đạo.

- Xây dựng kế hoạch thu - chi cho từng nội dung thu đối với các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, làm căn cứ tính toán mức thu cụ thể để đảm bảo nguyên tắc thu đủ bù chi, phù hợp với tình hình thực tế trong nhà trường năm học 2024 - 2025 gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Dầu Một phê duyệt.

- Tổ chức họp Ban Giám hiệu, họp Liên tịch, họp Hội đồng sư phạm, họp Ban Đại diện Cha mẹ học sinh nhà trường để lấy ý kiến đóng góp và thống nhất về nội dung các khoản thu - chi trong nhà trường năm học 2024 - 2025.

- Chỉ đạo nhà trường nghiêm túc thực hiện chế độ công khai thu chi tài chính (nội dung, hình thức và thời điểm công khai) theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (cụ thể thực hiện việc công khai ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ); chịu trách nhiệm giải trình trước người học và xã hội về các mức thu của đơn vị.

- Cùng các thành viên trong nhà trường thực hiện giám sát công tác thu - chi đúng quy định. Chịu trách nhiệm trước các cấp về nội dung thu chi của nhà trường.

### **2. Ban giám hiệu nhà trường**

Có trách nhiệm chỉ đạo triển khai kế hoạch đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh tổ chức thực hiện kế hoạch. Trong quá trình thực hiện định kỳ và đột xuất tổ chức phiên họp trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận. Phát huy điểm mạnh và đưa ra giải pháp khắc phục tồn tại đưa hoạt động 2 buổi/ ngày của trường đạt kết quả tốt.

### **3. Trách nhiệm của Kế toán**

- Phát hành biên lai, hóa đơn thu tiền đầy đủ, kịp thời, đúng quy định khi thu tiền người học; theo dõi, ghi chép sổ sách kế toán đầy đủ kịp thời và thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản quy định chế độ tài chính, kế toán hiện hành để thực hiện đúng nguyên tắc thu - chi theo đúng quy định.

- Lập hồ sơ thu - chi, phối hợp với Ban giám hiệu lập kế hoạch dự toán thu - chi, thực hiện quản lý thu - chi của nhà trường năm học 2024 - 2025 đúng quy định.

- Thông báo các khoản thu - chi đã được duyệt tới cha mẹ học sinh. Thực hiện thu theo đúng quy định và kế hoạch.

- Thực hiện công khai thu - chi tài chính theo đúng các văn bản chỉ đạo.

- Triển khai thực hiện thanh toán các khoản thu theo phương thức thanh toán không dùng tiền mặt theo Công văn số 517/SGDDĐT-KHTC ngày 10/3/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương về việc đôn đốc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản thu dịch vụ giáo dục.

#### **4. Trách nhiệm của Thủ quỹ**

- Thực hiện đúng văn bản chỉ đạo hướng dẫn công tác thu - chi các cấp triển khai.

Thực hiện đúng nhiệm vụ được giao về công tác thu tiền của cha mẹ học sinh theo quy định.

#### **5. Trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm**

- Nghiên cứu kỹ và triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo hướng dẫn về công tác thu - chi tới cha mẹ học sinh của lớp. Lấy ý kiến thỏa thuận của cha mẹ học sinh lớp về nội dung các khoản thu - chi trong nhà trường. Tổng hợp ý kiến của cha mẹ học sinh lớp báo về Ban Giám hiệu.

- Thông báo rõ các khoản thu - chi theo quy định đã được phê duyệt tới cha mẹ học sinh.

- Không thu các khoản thu không có trong quy định. Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về các khoản thu của lớp trong năm học 2024 - 2025.

- Nghiêm túc thực hiện soạn giảng dạy học 2 buổi/ ngày theo thời khóa biểu chuyên môn quy định.

#### **6. Trách nhiệm của cha mẹ học sinh**

- Nắm rõ các văn bản chỉ đạo hướng dẫn các khoản thu - chi.

- Cha mẹ học sinh thống nhất thỏa thuận các khoản thu - chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong nhà trường; thực hiện đóng các khoản thu đã được phê duyệt theo đúng quy định, đảm bảo đúng thời gian quy định của nhà trường.

#### **7. Phân công trách nhiệm, nhiệm vụ nhân viên phục vụ vệ sinh trường lớp**

- Lau chùi, quét dọn sạch sẽ khu vực được phân công.

- Tuân thủ nguyên tắc các quy định về phòng chống các dịch bệnh.

- Đảm bảo giữ sạch vệ sinh trường lớp lau khử khuẩn nền nhà, tay nắm cửa, tay vịn lan can trong khu vực lớp mình sạch sẽ suốt cả ngày, vệ sinh nhà vệ sinh.

- Bổ sung kịp thời nước sát khuẩn hoặc xà phòng rửa tay tại các bồn rửa.

- Đảm bảo ngày giờ công, đảm bảo chuyên cần sau khi ký hợp đồng lao động.
- Hỗ trợ các hoạt động liên quan đến công tác bán trú, các hoạt động sau giờ học chính khóa khi được phân công.

### **8. Nhân viên phục vụ, bảo vệ**

#### **\* Nhân viên phục vụ:**

- Lau chùi, quét dọn sạch sẽ khu vực được phân công.
- Tuân thủ nguyên tắc các quy định về phòng chống các dịch bệnh.
- Đảm bảo giữ sạch vệ sinh trường lớp lau khử khuẩn nền nhà, tay nắm cửa, tay vịn lan can trong khu vực lớp mình sạch sẽ suốt cả ngày, vệ sinh nhà vệ sinh.
- Bổ sung kịp thời nước sát khuẩn hoặc xà phòng rửa tay tại các bồn rửa.
- Đảm bảo ngày giờ công, đảm bảo chuyên cần sau khi ký hợp đồng lao động.
- Hỗ trợ các hoạt động liên quan đến công tác bán trú, các hoạt động sau giờ học chính khóa khi được phân công.

#### **\* Nhân viên bảo vệ:**

- Đảm bảo an toàn trong suốt quá trình học sinh tham gia 2 buổi tại trường.
- Đánh trống đúng thời gian biểu, đúng quy định của học sinh học 2 buổi/ngày.
- Hỗ trợ các hoạt động liên quan đến công tác 2 buổi, các hoạt động sau giờ học chính khóa khi được phân công.

Trên đây là kế hoạch thỏa thuận thu – chi dạy học 2 buổi/ngày lớp 1, 2, 3, 4, 5 năm học 2024-2025 của Trường Tiểu học Phú Thọ. Nhà trường yêu cầu 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh nghiêm túc thực hiện triển khai kế hoạch thỏa thuận thu – chi vệ sinh trường lớp năm học 2024 - 2025 đúng quy định. Đề nghị các cá nhân, các tổ chức được phân công và có liên quan thực hiện nghiêm túc. Trong quá trình thực hiện có vấn đề gì khó khăn, vướng mắc trường xin ý kiến của Lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Dầu Một giải quyết, giúp đỡ./.

#### **Nơi nhận:**

- PGDĐT TPTDM;
- UBND phường Phú Thọ;
- CB, GV, NV, PH, HS (website, zalo);
- BGH;
- KT;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

